

NGÂN HÀNG NHÀ
NƯỚC

Số: 448/2000/QĐ-NHNN2

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2000

QUYẾT ĐỊNH CỦA THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Ban hành quy định việc thu phí dịch vụ thanh toán quangân hàng

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 01/1997/QH10; Luật cáctổ chứctín dụng số 02/1997/HQ10 ngày 12/12/199;

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02/3/1993 của Chính phủ về nhiệm vụ,quyền hạn và trách nhiệm quản lý Nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Để các ngân hàng có nguồn trang trải chi phí về dịch vụ thanh toáncung cấp cho khách hàng và góp phần phát triển và đa dạng hoá các loại hìnhdịch vụ thanh toán qua ngân hàng;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế toán- Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về việc thu phí dịch vụ thanh toánqua ngân hàng.

Điều 2.Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2000, thay thếcho Quyết định số 162/QĐ-NH2 ngày 19/8/1993 của Thống đốc ngân hàng Nhà nước vềviệc thu phí dịch vụ thanh toán qua ngân hàng và Quyết định số 297/QĐ-NH2ngày9/9/1997 của thống đốc ngân hàng Nhà nước về việc thu phí đối với việc rút tiền mặt bằng thẻ tín dụng. Các quy định trước đây của Ngân hàng Nhà nước vềviệc thu phí dịch vụ thanh toán trái với Quyết định này đều bị bãi bỏ.

Điều 3. Chánh văn phòng, Vụ trưởng Vụ kế toán- Tài chính, Chánh thanh tra Ngân hàng Nhà nước, Thủ trưởng đơn vị có liên quan thuộc ngân hàng Nhà nước, Giám đốc chi nhánhNgân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Tổng giám đốc (Giámđốc) tổ chức tín dụng chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

QUY ĐỊNH VỀ VIỆC THU PHÍ DỊCH VỤ THANH TOÁN QUA NGÂN HÀNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 448/2000/QĐ-NHNN2)

I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng.

1. Quy định này áp dụng đối với việc thu phí dịch vụ thanh toán của Ngân hàng Nhà nước và của các tổ chức tín dụng hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam được Ngân hàng Nhà cho phép làm dịch vụ thanh toán.

2. Việc thu phí dịch vụ thanh toán trong quan hệ thanh toán giữa Ngân hàng nhà nước, các tổ chức tín dụng được phép làm dịch vụ thanh toán quốc tế với tổ chức, cá nhân hoạt động ngoài lãnh thổ Việt Nam được thực hiện theo quy tắc và thông lệ quốc tế nếu các quy tắc và thông lệ đó không trái pháp luật Việt Nam.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ.

Trong Quy định này, các thuật ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. Ngân hàng: Là Ngân hàng Nhà nước và tổ chức tín dụng hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam được Ngân hàng Nhà nước cho phép làm dịch vụ thanh toán
2. Khách hàng là tổ chức, cá nhân có giao dịch trực tiếp với ngân hàng về thanh toán và chuyển tiền qua ngân hàng theo quy định của pháp luật hiện hành.
3. Dịch vụ thanh toán qua ngân hàng (gọi tắt là dịch vụ thanh toán), là công việc ngân hàng thực hiện theo yêu cầu của khách hàng, nhằm phục vụ trực tiếp cho việc thanh toán và chuyển tiền của khách hàng qua ngân hàng theo quy định hiện hành của Ngân hàng nhà nước.
4. Phí dịch vụ thanh toán: là khoản thu của ngân hàng đối với khách hàng có sử dụng dịch vụ thanh toán, là giá hoặc phí thực hiện dịch vụ thanh toán chưa có thuế giá trị gia tăng.

Điều 3. Phạm vi và thẩm quyền quy định mức thu phí dịch vụ thanh toán.

1. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định:

- a) Mức thu phí dịch vụ thanh toán của Ngân hàng Nhà nước trong giao dịch thanh toán với các tổ chức tín dụng và Kho bạc Nhà nước. Mức thu phí này chỉ áp dụng đối với tổ chức tín dụng và Kho bạc Nhà nước (sở giao dịch, chi nhánh) mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước và có giao dịch thanh toán trực tiếp với Ngân hàng nhà nước.
- b) Mức thu phí đối với một số dịch vụ thanh toán do tổ chức tín dụng cung cấp cho khách hàng trong trường hợp cần thiết, theo mục tiêu nhất định để thực hiện chính sách của Nhà nước và quản lý hoạt động ngân hàng.

2. Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng được ấn định mức thu phí của từng dịch vụ thanh toán cụ thể cung cấp cho khách hàng (trừ dịch vụ thanh toán Thống đốc Ngân hàng Nhà nước đã quy định mức thu phí) phù hợp với nội dung, điều kiện và phương thức thực hiện dịch vụ của tổ chức mình.

Điều 4. Tổ chức tín dụng trước khi áp dụng phải gửi Biểu phí dịch vụ thanh toán kèm theo các tiêu chuẩn về nội dung, điều kiện và phương thức thực hiện dịch vụ của mình cho Ngân hàng Nhà nước (Vụ Kế toán-Tài chính và Thanh tra Ngân hàng nhà nước) để theo dõi, đồng thời niêm yết công khai tại nơi giao dịch để khách hàng biết.

Điều 5.

1. Ngân hàng chỉ được thu phí theo mức đã niêm yết tại Biểu phí dịch vụ thanh toán của mình, không được thu thêm bất kỳ một khoản tiền nào khác để thực hiện dịch vụ thanh toán, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp khách hàng chuyển tiền bằng điện báo, TELEX hoặc qua hệ thống SWIFT để thanh toán với nước ngoài hoặc có yêu cầu chuyển chứng từ đi trong nước ngoài bằng thư bảo đảm, qua các hãng chuyển phát nhanh theo mức quy định của tổ chức cung cấp dịch vụ này.

3. Ngân hàng không phải hoàn trả lại khoản phí dịch vụ thanh toán đã thu trong trường hợp khách hàng yêu cầu huỷ bỏ dịch vụ thanh toán hoặc dịch vụ thanh toán không thực hiện được vì sai sót, sự cố không phải do lỗi của Ngân hàng gây ra và ngân hàng đã xử lý đúng trách nhiệm quy định.

II. CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 6. Các loại hình dịch vụ thanh toán ngân hàng được thu phí dịch vụ.

1. Cung ứng các phương tiện thanh toán, gồm có: séc, thẻ ngân hàng, uỷ nhiệm thu, uỷ nhiệm chi và các phương tiện khác được sử dụng để thực hiện giao dịch thanh toán qua ngân hàng theo quy định của chế độ thanh toán hiện hành.

2. Dịch vụ thanh toán trong nước cho khách hàng gồm có:

Dịch vụ thanh toán cho khách hàng mở tài khoản ở các đơn vị ngân hàng (sở giao dịch, chi nhánh);

Chuyển tiền cấp phát kinh phí, điều chuyển vốn;

Chuyển tiền đến một đơn vị ngân hàng khác để sử dụng;

Trả lương vào tài khoản;

Yêu cầu huỷ hoặc sửa chuyển tiền;

Thu hộ và chi hộ trong nước;

Các dịch vụ thanh toán khác trong nước cho khách hàng phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

3. Dịch vụ thanh toán quốc tế cho khách hàng, gồm có:

a) Chuyển tiền ra nước ngoài (gồm cả chuyển tiền ra nước ngoài khi thanh toán Thutín dụng trả ngay và trả chậm);

b) Nhận tiền từ nước ngoài chuyển đến;

c) Thu hộ và chi hộ với nước ngoài;

Nhờ nước ngoài thu hộ, bao gồm: nhận, xử lý, gửi chứng từ đi nước ngoài nhờ thu và thanh toán kết quả nhờ thu;

Huỷ nhờ thu theo yêu cầu của cá nhân hoặc đơn vị nhờ thu trong nước;

Thu hộ nước ngoài;

Đổi séc du lịch lấy tiền ngoại tệ.